

- **Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01/2/2023 đến hết 31/12/2023

Điều 2: Chất lượng đá sét.

Đá sét thải dùng để làm nguyên liệu sản xuất cho Nhà máy xi măng Quán Triều yêu cầu phải có thành phần hóa học thỏa mãn các chỉ tiêu cụ thể sau:

- Đá sét thải không lẫn các tạp chất sắt thép có hại cho thiết bị gia công của bên A.

- Thành phần hóa học:

+ Hàm lượng SiO_2 : $78\% \geq \text{SiO}_2 \geq 62\%$ + Hàm lượng $\text{Fe}_2\text{O}_3 \leq 13\%$

+ Hàm lượng Al_2O_3 : $18\% \geq \text{Al}_2\text{O}_3 \geq 12\%$ + Hàm lượng kiềm: $\text{R}_2\text{O} \leq 3\%$

- Kích thước đá sét thải trước khi đưa vào nhập kho chiều lớn nhất < 350 (mm). Độ ẩm $\leq 15\%$. Hàm lượng sỏi sạn dạng quặng $\leq 5\%$. Bên B trong quá trình khai thác tập kết phải có phương án đảm bảo về kích thước và độ ẩm theo yêu cầu trên.

- Chất lượng đá sét thải được kết hợp giám sát của hai bên, bên A sẽ cử đại diện đến tại khai trường bên B kiểm tra sơ bộ đánh giá và phân loại chất lượng. Sau khi đánh giá bên A thông báo cho bên B để bên B tiến hành tập kết về các bãi chứa, trong quá trình tập kết nếu chất lượng không như khảo sát thì bên A sẽ thông báo phương án điều chỉnh cho bên B.

- Chất lượng đá sét cụ thể được kiểm nghiệm phân tích tại phòng hóa nghiệm bên A.

Điều 3: Giao nhận, bốc dỡ, vận chuyển

- Bên A có trách nhiệm xúc bốc và vận chuyển đá sét thải tại kho bãi của bên B.

- Khối lượng đá sét thải mua bán trong tháng được hai bên xác định qua cân điện tử của bên A.

- Cuối mỗi ngày hai bên làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán theo số liệu bàn cân Bên A làm cơ sở phát hành hóa đơn tài chính.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên

4.1 Quyền và nghĩa vụ bên A:

*** Quyền của Bên A:**

- Yêu cầu bên B cung cấp hàng hóa kịp thời theo đơn hàng.

- Đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên B vi phạm hợp đồng.

- Từ chối nhận hàng nếu hàng không đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn.

*** Nghĩa vụ Bên A:**

- Thông báo nhu cầu nhập hàng cho bên B trước 03 ngày để bên B có kế hoạch chuẩn bị đủ số lượng, chất lượng.

- Bên A phải lấy hết số lượng hàng theo đơn đặt hàng mà bên B đã tập kết tại các bãi chứa đá của bên B

- Đăng ký số lượng xe máy thiết bị thực hiện bốc xúc, vận chuyển khối lượng đá sét với bên B. Xe máy thiết bị phải dán phù hiệu của bên A.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng xe máy thiết bị phải tuân thủ chấp hành đúng các nội quy, quy định của bên B.

- Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác an toàn cho người, thiết bị trong quá trình vận chuyển từ kho bãi của bên B đến vị trí tập kết hàng của bên A.

- Quản lý khối lượng hàng trên đường vận chuyển, chỉ sử dụng khối lượng đá sét mua theo hợp đồng này để phục vụ sản xuất của bên A, không được bán cho đơn vị khác.

- Cuối mỗi ngày cùng bên B làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán theo số liệu bàn cân bên A làm cơ sở phát hành hoá đơn thanh toán giữa hai bên.
- Nghiệm thu số lượng, chất lượng hàng hóa và thanh toán, bù trừ giá trị thực hiện hợp đồng cho bên B.

4.2 Quyền và nghĩa vụ bên B:

*** Quyền của Bên B:**

- Yêu cầu bên A thanh toán đúng hạn như Điều 5 của Hợp đồng này
- Yêu cầu bên A tuân thủ các quy định về vận chuyển, nhận hàng trong kho bãi của bên B.
- Đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A vi phạm hợp đồng.

*** Nghĩa vụ Bên B:**

- Bên B cung cấp đá sét thải đúng tiến độ, số lượng, chất lượng theo yêu cầu của bên A trên cơ sở hợp đồng ký kết.
- Cuối mỗi ngày cùng bên A làm biên bản giao nhận khối lượng hàng mua bán theo số liệu bàn cân Bên A làm cơ sở phát hành hoá đơn thanh toán giữa hai bên.
- Phối hợp với bên A để đối chiếu khối lượng, giá trị thanh toán.

Điều 5: Thanh toán

- Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 45 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:
 - + Hóa đơn GTGT do bên B phát hành theo quy định.
 - + Biên bản giao nhận hàng hóa.
- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

Điều 6: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện có vấn đề gì phát sinh hai bên thông báo cho nhau kịp thời cùng giải quyết bằng thương lượng. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường bằng vật chất và chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành của nhà nước. Nếu hai bên không tự giải quyết được tranh chấp bằng thương lượng thì đưa vụ việc ra tòa án tỉnh Thái Nguyên để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thi hành, phí và các chi phí phát sinh trong quá trình kiện tụng sẽ do bên thua kiện chịu.

Điều 7: Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng và hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bản, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Trần Việt Cường

Bùi Ngọc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐU THẢO HỢP ĐỒNG THUÊ KHO

Số: /HĐTK TL-QT

- Căn cứ Luật Thương mại có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMQT ngày tháng năm 2022 của Giám đốc công ty về việc phê kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp dịch vụ thuê kho chứa Clinker sức chứa > 15.000 tấn.

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH TỔNG HỢP – VVMi (gọi tắt là bên A)

- Đại diện: Nguyễn Văn Sinh Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.
- Điện thoại: 02053.850.261 Fax: 02053.851.927
- Mã số thuế: 4900243394
- Số tài khoản: 3521.000.000.0218 tại Ngân hàng BIDV Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn.

Bên Thuê: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMi (gọi tắt là bên B)

- Đại diện là : Ông Trần Việt Cường Chức vụ: Giám đốc
 - Địa chỉ : Xã An Khánh – Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên
 - Điện thoại : 0280 3 843 185 Fax: 0280 3 843185
 - Mã số thuế : 4600409377
 - Số tài khoản: 114.0000.28142 tại Ngân hàng TMCP Công thương Thái Nguyên.
- Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Bên A đồng ý cho bên B thuê kho chứa hàng hoá .
Diện tích kho thuê: 2106 m², Nền láng xi măng, mái lợp tôn, có khe thông gió ở tường và trên mái,
2. Địa điểm thuê: Tại nhà máy xi măng Quán Triều Xã An Khánh – Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên
3. Đơn giá: 25.000.000 đồng/tháng (Chưa bao gồm thuế VAT)
(Thuế VAT theo quy định hiện hành của Nhà nước tại từng thời điểm)
4. Thời gian thuê: 1 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Tiền thuê kho như mô tả tại Điều 1 là:
25.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 300.000.000 đồng.
(Chưa bao gồm thuế VAT)

Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

ĐIỀU 3. HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ.
2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (Viết tắt: VNĐ)
3. Phương thức thanh toán: Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi bên A xuất hoá đơn cho bên B và kèn theo biên bản nghiệm thu thời gian thực hiện.
4. Nghiệm thu và xuất hóa đơn:

- Hai bên thống nhất nghiệm thu xuất hóa đơn thành 04 lần/năm vào các đợt như sau:

- + Lần 1 vào 31/3/2023
- + Lần 2 vào 30/6/2023
- + Lần 3 vào 30/9/2023
- + Lần 4 vào 31/12/2023

ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. **Bên A** có các nghĩa vụ sau đây:

- Bàn giao mặt bằng kho cho bên B theo đúng thoả thuận
- Bảo đảm cho Bên B sử dụng ổn định và thuận tiện địa điểm trong thời gian thuê. Chịu trách nhiệm bảo dưỡng sửa chữa nhưng hư hỏng mà không thuộc về nguyên nhân do bên B gây ra.

2. **Bên A** có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B sử dụng không đúng mục đích thuê.
- Bên B làm hư hỏng nghiêm trọng địa điểm thuê.
- Bên B sửa chữa, thay đổi kiến trúc, tự ý cải tạo, nâng cấp địa điểm cho thuê hoặc cho người khác thuê lại toàn bộ hoặc một phần diện tích đang thuê mà không có sự đồng ý của bên A

- Bên B làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến vệ sinh môi trường;

ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. **Bên B** có các nghĩa vụ sau đây :

- Sử dụng địa điểm thuê đúng mục đích đã thỏa thuận; trường hợp hàng gửi không phải là xi măng, Clinhke và các phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng, bên B phải thông báo trước cho bên A để tiện theo dõi, quản lý.

- Thanh toán tiền thuê kho cho bên A theo thỏa thuận ở điều 2, điều 3 bản hợp đồng này

- Chịu trách nhiệm về tình trạng hợp pháp của hàng hoá và thực hiện các khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các thủ tục liên quan tới hoạt động kinh doanh của mình khi cần thiết.

- Tự chịu trách nhiệm về việc bảo vệ, bảo quản hàng hoá của mình.

- Tự phải sửa chữa nhưng gì hỏng hóc do bên B gây ra. Trong thời hạn thuê nếu muốn cải tạo thay đổi kiến trúc thì phải có văn bản và được sự đồng ý kiến của bên A.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn cháy nổ, bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình sử dụng kho chứa hàng.

2. **Bên B** có các quyền sau đây:

- Nhận địa điểm thuê theo đúng thoả thuận; tự quản lý và xuất nhập hàng hoá.

- Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với Bên A

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết và đưa vào phụ lục hợp đồng; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 7. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

Bên A và **Bên B** chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cùng cam kết sau đây :

1. Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin đã ghi trong hợp đồng này.

2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những thỏa thuận với Bên thuê đã ghi trong hợp đồng này; nếu bên nào vi phạm mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho bên kia hoặc cho người thứ ba (nếu có).

ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thực hiện xong các điều khoản ghi trong hợp đồng này hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

3. Hợp đồng này được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Văn Sinh

Trần Việt Cường



/HĐ-KTKH

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN NĂM 2023

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, tại Văn phòng Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP chúng tôi gồm:

I. Đại diện Bên bán (Gọi tắt là Bên A):

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

Địa chỉ : Số 1 Phan Đình Giót - P. Phương Liệt - Q. Thanh Xuân - TP. Hà Nội
Điện thoại : 024.36647975 Fax: 024.36647493
Tài khoản số : 21310000299702 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Nam Hà Nội.
Tài khoản số: 1410206555666 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – CN. Mỹ Đình
Tài khoản số: 61628888401 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Mã số thuế : 0100100015
Đại diện : Ông **Trịnh Hồng Ngân** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

II. Đại diện Bên mua (Gọi tắt là Bên B):

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ : Xã An Khánh - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại : 0208.3843185 Fax: 0208.3843185
Tài khoản số: 114000028142
Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Thái Nguyên
Mã số thuế : 4600409377
Đại diện : Ông **Trần Việt Cường** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau thỏa thuận và thống nhất ký hợp đồng mua bán than năm 2023 với các điều khoản cụ thể dưới đây:

Điều 1. Chung loại, khối lượng, chất lượng:

- 1.1. Chung loại: + Than cám **4a.3** (mã sản phẩm 04-C4A.3).
+ Than cám **5a.6** (mã sản phẩm 05-C5A.6).
+ Than cám **7B** (mã sản phẩm: CKH 07B)
- 1.2. Khối lượng: **90.000 tấn** ($\pm 10\%$) than các loại,
Trong đó + Than cám 4a.3: 45.000 tấn

+ Than cám 5a.6: 8.000 tấn

+ Than cám 7B: 37.000 tấn

1.3. Chất lượng: Theo tiêu chuẩn quốc gia hiện hành TCVN 8910:2020, TCCS 04:2012/VINACOMIN và các thoả thuận khác giữa hai bên.

1.3.1. Các chỉ tiêu chất lượng cụ thể:

Các chỉ tiêu	Than cám 4a.3 (TCVN 8910:2020)	Than cám 5a.6 (TCVN 8910:2020)	Than cám 7B (TCCS 04:2012/ VINACOMIN)
1. Cỡ hạt (mm):	≤ 25	≤ 25	≤ 25
Tỷ lệ trên cỡ tối đa (%):	10	10	10
2. Độ tro khô A^k (%):			
Trung bình:	21,00	29,00	52,50
Giới hạn:	19,01 ÷ 23,00	27,01 ÷ 31,00	50,01 ÷ 55,00
3. Độ ẩm toàn phần W^{tp} (%):			
Trung bình:	20,00	10,50	11,00
Không lớn hơn:	23,00	14,00	15,00
4. Chất bốc khô V^k (%):			
Trung bình:	9,00	12,00	12,00
Không lớn hơn:	12,00	14,00	
5. Lưu huỳnh chung khô $S^{k_{ch}}$ (%):			
Trung bình:	3,00	2,00	2,00
Không lớn hơn:	4,00	3,00	3,00
6. Trị số toả nhiệt toàn phần khô Q_{gr}^k (cal/g)			
Không nhỏ hơn:	6.100	5.350	3.300

1.3.2. Thỏa thuận khác:

(a) Độ ẩm toàn phần (W^{tp}) để giao nhận: theo thực tế.

(b) Độ ẩm toàn phần (W^{tp}) để xác định khối lượng than thanh toán:

+ Độ ẩm để xác định khối lượng than thanh toán: là độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020 hoặc TCCS 04:2012/VINACOMIN (20% đối với than cám 4a.3; 10,5% đối với than cám 5a.6; 11,00% đối với than cám 7B). Các lô hàng có độ ẩm toàn phần khác độ ẩm trung bình sẽ được quy về độ ẩm trung bình để xác định khối lượng than thanh toán.

Điều 2. Điều kiện giao hàng

2.1. Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được Bên Bán giao cho Bên Mua trên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho Bên Bán (kho mỏ than Núi Hồng và Khánh Hoà).

2.2. Chuyển rủi ro: Rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hóa được chuyển cho Bên Mua kể từ khi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho của Bên Bán.

2.3. Xác định và chấp nhận về chất lượng:

a) Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu theo tiêu chuẩn hiện hành. Hai bên tiến hành lấy mẫu đồng tại kho Bên Bán, mỗi đồng lấy một mẫu chung. Mẫu được chia thành 03 phần: 01 phần giao cho Bên Mua, 01 phần giao cho Bên Bán, 01 phần để lưu. Mẫu lưu phải được đại diện hai bên cùng niêm phong, giao cho Bên Bán giữ và bảo quản. Bên Bán phân tích mẫu và gửi kết quả phân tích cho Bên Mua trong vòng 01 ngày (24 giờ) sau khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu than được thực hiện theo các TCVN hiện hành.

- Nếu chất lượng than đảm bảo như quy định tại các khoản 1.3 thì hai bên tổ chức giao nhận than. Bên Mua cử cán bộ giám sát quá trình bốc hàng lên xe tại kho Bên Bán từ khi bắt đầu giao nhận đến khi kết thúc giao nhận lô hàng.

- Trong quá trình giao nhận, nếu phát hiện bất thường về chất lượng than, đại diện Bên Mua phải thông báo ngay cho Bên Bán để xử lý. Trong trường hợp này, hai bên tạm dừng việc giao nhận cho đến khi thống nhất giải quyết về chất lượng than.

b) Trường hợp kết quả phân tích của các bên có sai lệch mà hai bên không thỏa thuận được, thì xử lý theo một trong hai cách sau:

- Mẫu lưu (còn nguyên niêm phong) được đại diện hai bên cùng phân tích lại tại phòng thí nghiệm của Bên Bán. Kết quả phân tích này là cơ sở để xác định chất lượng lô hàng.

- Hai bên tiến hành lấy mẫu lại trên đồng và cùng phối hợp phân tích chất lượng than tại phòng thí nghiệm của Bên Bán.

- Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

2.4. Xác định và chấp nhận về khối lượng:

a) Khối lượng than được xác định qua cân tại kho Bên Bán.

b) Độ ẩm:

+ Độ ẩm giao hàng: Theo độ ẩm thực tế. Mẫu độ ẩm được hai bên lấy mẫu và phân tích hàng ngày.

+ Độ ẩm để tính khối lượng than thanh toán là độ ẩm trung bình theo TCVN hiện hành.

+ Khối lượng than thanh toán được xác định theo công thức:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W^p_t}{100 - W^p_0}$$

Trong đó:

G_q : Khối lượng than thanh toán tương ứng độ ẩm trung bình của than.

G_t : Khối lượng thực tế giao hàng qua cân tại kho Bên Bán và tương ứng độ ẩm thực tế.

W^p_t : Độ ẩm thực tế của than theo phân tích của Bên Bán và được Bên Mua thống nhất.

W^p_0 : Là độ ẩm trung bình của than theo TCVN 8910:2020 hoặc TCCS 04:2012/VINACOMIN

2.5. Biên bản giao nhận than:

- Biên bản giao nhận than được lập trước 9 giờ sáng hàng ngày cho khối lượng than giao nhận trong ngày hôm trước.

- Cứ mỗi 7 ngày, hai bên tập hợp khối lượng, chủng loại than giao nhận của 07 ngày trước đó bằng một biên bản kèm bảng kê chi tiết làm cơ sở thanh toán tiền hàng.